TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2025/DS-PT
Ngày: 06-3-2025
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 609/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 251/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh P năm 1977;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng S năm 1997; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn L năm 1952;
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Phương Y, luật sư của Công ty L37 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H chỉ: C, đường U, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Đ năm 1953; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Văn L1 bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ số 27 tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tredo ông Trần Thanh P1 tên quyền sử dụng đất ngày 14/7/2020. Đất có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Đ1(mẹ ông P2 ông P3 có tứ cận phía Bắc giáp đường huyện lộ ĐHMC 12, phía Đông giáp thửa 51, phía Tây giáp thửa 17, phía Nam giáp thửa 16. Trên thửa đất 52 ông P4 xây một căn nhà tạm kinh doanh dịch vụ nước giải khát, do bận đi làm ăn nên ông P5 cho bà Đ2 lý, buôn bán dùm. Khoảng đầu tháng 2 năm 2023 ông Trương Văn L2 nhà đất thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Treở phía bên kia lộ nói bà Đ3 bán lấn sang đất của ông, ông L3 cọc và giăng dây ngang cản trở việc buôn bán của bà Đ4 phạm vi ông Lý rào ông không được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và từ trước đến nay do gia đình ông P6 tiếp quản lý sử dụng. Đến ngày 07/4/2023 ông L4 tục dùng cọc, làm hàng rào chắn hoàn toàn trên đất của ông P12 cho bà Đ3 bán, ảnh hưởng đến thu nhập hàng ngày. Phần đất ông P22 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Lngang N làm rào chắn cách mặt lộ khoảng 02 mét, diện tích qua đo đạc thực tế là 22,2 m^2 trong đó có phần đất giao thông 5,1 m^2. Sự việc ông P4 nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Ông P7 kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn L5 tháo dở hàng rào trên đất để trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 27 tọa lạc ấp T xã T, huyện M, tỉnh Bến Tredo ông P1 tên quyền sử dụng đất. Ông P8 rút lại yêu cầu ông Trương Văn L6 thường thiệt hại đối với số tiền 9.000.000 đồng. Ông P9 ý với kết quả đo đạc định giá và không có ý kiến gì. Đối với phần đất có diện tích 5,1 m^2 thuộc một phần thửa đất số 32 là đất giao thông ông P12 có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu phản tố, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Văn L7 bày như sau:

Vào ngày 9 tháng 8 năm 1994 ông có mua thửa đất của bà Nguyễn Thị S1 đất tại ấp B liền qua ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Trecó giấy sang nhượng. Phần đất ông sang nhượng nối liền từ ấp B qua ấp T con lộ đất nằm cắt ngang đi từ ấp T, xã T B đi xã T sử dụng cả hai phần đất đối diện con lộ từ xưa đến nay. Hiện nay nhà nước làm lộ xi măng đất của ông còn lại phía bên kia lộ hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Đ1(Trần Văn T nam giáp ông Nguyễn Văn D bắc giáp đất ông Đồng V L1có chiều ngang 2,65 mét, chiều dài 21,14 mét, tổng diện

tích 56,02 m^2, lúc đó có hàng dừa. Đến năm 2005 ông sợ dừa rụng trúng người đi đường ông tự cắt bỏ và trồng lại hàng xoài và quản lý sử dụng cho đến nay. Gần đây ông nghe bà Đ5 nhượng đất mà ông đang quản lý sử dụng nên ông rào dây lưới lại vì đất này là của ông. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P10 cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp cho ông có diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 27 tọa lạc ấp T xã T, huyện M, tỉnh Bến Tredo ông P1 tên quyền sử dụng đất.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P11 chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P12 chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trương Văn L8 thể tuyên:

1. Buộc ông Trương Văn L9 dở toàn bộ hàng rào kết cấu bằng trụ sắt + trụ cây (tre), lưới bằng nhựa để trả cho ông Trần Thanh P13 đất có diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa 52 (ký hiệu 52B), tờ bản đồ số 27 tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tredo ông Trần Thanh P1 tên quyền sử dụng đất (có hồ sơ trích đo kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P14 việc yêu cầu ông Trương Văn L6 thường thiệt hại số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn L10 việc yêu cầu công nhận cho ông phần đất có diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa 52 (ký hiệu 52B), tờ bản đồ số 27 tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tredo ông Trần Thanh P1 tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2024, bị đơn ông Trương Văn L11 cáo bản án sơ thẩm không rõ nội dung kháng cáo.

Ngày 21/10/2024, bị đơn ông Trương Văn L11 cáo bổ sung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh P15

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Thanh P16 giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn ông Trương Văn L12 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày Toà án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng về tống đạt văn bản tố tụng và đưa thiếu người tham gia tố tụng, chưa xem xét hết lời khai của những người làm chứng, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn L13, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn L13. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Văn L13 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Trần Thanh P10 cầu ông Trương Văn L9 dở hàng rào trả phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa số 52 (ký hiệu 52B) tờ bản đồ số 27 tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tredo ông Trần Thanh P1 tên quyền sử dụng đất. Bị đơn ông Trương Văn L14 đồng ý với yêu cầu của ông P17 có yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp nêu trên cho ông, vì phần đất này là của ông.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn L13, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Phần đất tranh chấp có diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa số 52 (ký hiệu 52B) tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến TreTrên phần đất tranh chấp có 01 cây xoài loại 3; sân đan nền bê tông diện tích 1,82 m^2. Ngoài ra, trên đất có một hàng rào bằng lưới (nhựa), hàng rào có 06 trụ sắt nhỏ chôn dưới đất và 06 đoạn tre (nhỏ) được chôn dưới đất thẳng hàng với các trụ sắt, hàng rào được làm đơn giản có thể di dời được. Ngoài ra trên phần đất tranh chấp có 02 cây bằng lăng nhỏ do nhà nước trồng.

[2.2] Đối với diện tích 5,1 m^2 thửa đất 32A, tờ bản đồ số 27 thuộc phần nền đường (loại đất DGT) của tuyến đường ĐX.02 (điểm đầu QL 60 - điểm cuối

ranh xã Tdo Ủy ban nhân dân xã T các đương sự không tranh chấp.

[2.3] Theo Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 52, tờ bản đồ số 9, diện tích 214,3 m^2 tọa lạc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Trengày 14/7/2020 cho ông Trần Thanh P18 thửa đất 52 có vị trí giáp các thửa 16, 17, 51 và ĐH.MC.12 (đường H đó có 118,8 m^2 đất lộ giới. Ông P22 nhận tặng cho từ bà Nguyễn Thị Đ6 Đđược cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/2020 đối với thửa 52, tờ 27, diện tích 214,3 m^2. Thửa số 52 tờ 27 là một trong 03 thửa đất (51, 52, 53) được tách từ thửa số 9 tờ bản đồ số 27.

Theo kết quả đo đạc địa chính ngày 01/4/2013 tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 3202, tờ bản đồ số 1, diện tích 3623,9 m^2 tọa lạc ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Trengày 16/4/2013 cho ông Truong V1 L2thì thửa đất 3202 có vị trí giáp các thửa 1901, 1900, 1899, 2016, 3067, 2012, 2882 và ĐHMC12 (đường H có phần đất nào tại vị trái đất tranh chấp thuộc diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 27.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 21, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.357 m^2 tọa lạc ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Trengày 09/7/2015 cho ông Trương Văn L15 thửa đất 21 có vị trí giáp các thửa 20, 314, 323, 30, 396 và ĐH.MC.12 (đường Hkhông có phần đất nào tại vị trái đất tranh chấp thuộc diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa 52, tờ bản đồ số 27.

[2.4] Ông L16 rằng đất của ông mua của bà Nguyễn Thị S2(hiện nay đã chết), đất có vị trí từ ấp Bqua lộ giáp ấp T xã T, huyện M, tỉnh Bến TreLời trình bày của ông L2 ông Đồng V L1ông Nông L3xác nhận.

Theo kết quả xác minh ngày 17/9/2024 thì những người làm chứng cho ông Trương Văn L17 ông Lê Văn N1 chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là trưởng ấp xã T ông N2 ông có biết việc tranh chấp giữa ông Trần Thanh P19 ông Trương Văn L18 Tòa án gửi giấy mời về mới biết gần đây. Nguồn gốc từ hợp đồng mua bán giữa ông L19 ông Trần Văn B có xem hồ hồ sơ có biết. Theo ông thì phần đất nêu trên thuộc quyền quản lý của ông Trương Văn L20 với ông L3ông chỉ biết ông P19 ông L21 D1ở cùng địa phương. Việc tranh chấp giữa ông P19 ông L22 đây 2–3 năm nhưng không rõ thời gian tranh chấp cụ thể. Ông L3biết việc ông L23 đất từ ông Trần Văn B1 ranh với bà Đông P20 đây có mương ranh nhưng bà Đông P21 lấp mương, chạy từ nhà ông L24 khỏi lộ giáp ranh bà Đ7 đất bên lộ giáp thêm mấy thước giáp ranh bà Đ8 của ông Trương Văn L20 với bà A bà không có quan hệ gì với ông Pông L25 không biết đất tranh chấp nhưng biết về phần đất. Phần đất từ nhà ông L26 phần lộ là của ông L27 bà ở đây trước, sau đó ông L28 về ở nên bà biết đất của ông L29 L1L3ông Nbà Ađều xác định phần đất tranh chấp là của ông L30 năm 1997 ông L36 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 2013, 2014 tờ bản đồ số 1, các thửa đất này ông L31 định là

mua từ bà Nguyễn Thị S2

[2.4] Ngày 28/02/2023, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mthực hiện sửa sai đối với thửa đất 2014, diện tích gốc bị sai 3.403 m^2, diện tích đúng là 3.323,9 m^2, đồng thời cũng trong năm 2013 ông L32 hành lập thủ tục hợp thửa đất, nhập các thửa đất 2013 diện tích 300 m^2 và thửa 2014 diện tích 3.323,9 m^2 thành thửa 3202 diện tích 3.623,9 m^2, ông L31 định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3202 (được nhập từ thửa 2013, 2014 có diện tích 3.930 m^2) khi nhà nước tiến hành đo đạc ông đồng ý ký tên hồ sơ đo đạc, ông đồng ý kết quả đo đạc này và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015 ông có tiên hành làm thủ tục chia đất cho con, đất của ông còn lại diện tích 2.357 m^2, thửa đất mới là thửa 21. Các lần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đồng ý và không có khiếu nại gì. Đồng thời ông L33 xác định phần đất tranh chấp ông không có tiến hành đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông cho rằng ông không biết là không phù hợp. Ngoài ra, ông L34 nhận việc bà Đông P22 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 52, tờ 27 ông không có khiếu nại.

[2.5] Tại phiên toà phúc thẩm, ông L7 bày khi ông chuyển nhượng đất của bà sáu thì bà S1chỉ ranh qua sát bên bà Đ9 thời điểm đó bà S1cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất thời gian sau năm 1997 khi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông cũng có tặng cho con; quá trình sử dụng đất có biến động, có đo đạc nhưng ông không có khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh P23 có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày Toà án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc cấp tống đạt văn bản tố tụng. Những thiếu sót này không thay đổi bản chất vụ án nên không cần thiết phải huỷ hay sửa bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Toà án cấp sơ thẩm cũng cần rut kinh nghiệm đối với nội dung ông L35 cầu công nhận quyền sử dụng đất. Đây không phải là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần điều chỉnh nội dung này cho phù hợp quy định pháp luật, không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[5] Bị đơn ông Trương Văn L11 cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Do ông Trương Văn L1 người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn L13.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 26, Điều 39, Điều 217, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 115, Điều 166, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P11 chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P11 chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn L8 thể tuyên:

1. Buộc ông Trương Văn L9 dở toàn bộ hàng rào kết cấu bằng trụ sắt + trụ cây (tre), lưới bằng nhựa để trả cho ông Trần Thanh P13 đất có diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa 52 (ký hiệu 52B), tờ bản đồ số 27 tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tredo ông Trần Thanh P1 tên quyền sử dụng đất (có hồ sơ trích đo kèm theo).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P14 việc yêu cầu ông Trương Văn L6 thường thiệt hại số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn L10 việc yêu cầu công nhận cho ông phần đất có diện tích 22,2 m^2 thuộc một phần thửa 52 (ký hiệu 52B), tờ bản đồ số 27 tọa lạc xã T, huyện M, tỉnh Bến Tredo ông Trần Thanh P1 tên quyền sử dụng đất.

4. Về chi phí thu thập chứng cứ là 4.209.100 đồng (bốn triệu hai trăm lẻ chín nghìn một trăm đồng) buộc ông Trương Văn L5 chịu nhưng do ông Trần Thanh P24 nộp tạm ứng trước số tiền này nên ông L2 trách nhiệm trả lại cho ông P

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Văn L36 miễn nộp án phí.

- Hoàn trả cho ông Trần Thanh P25 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002121 ngày 09/11/2023, số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002122 ngày 09/11/2023, số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005466 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn L1 người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng